



PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN SAU SẮP XẾP, KIẾN TOÀN

(kèm theo Đề án số 05-ĐA/ĐU, ngày 30/9/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã)

.....

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		Nam	Nữ	Dự bị	Chính thức			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	CHI BỘ VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY (8 ĐẢNG VIÊN)							
1	Trương Hoàng Khải	19/5/1968		30/8/2000	30/8/2001	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng Đảng ủy	
2	Lâm Ngọc Sơn	30/4/1987		19/4/2011	19/4/2012	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng Đảng ủy	
3	Nguyễn Phương Linh		09/9/1992	04/11/2013	04/11/2014	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng Đảng ủy	
4	Huỳnh Chí Linh	03/6/1984		11/5/2008	11/5/2009	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng Đảng ủy	
5	Lê Phú Thoại	19/12/1983		21/10/2013	21/10/2014	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng Đảng ủy	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hương		12/8/1991	04/7/2016	04/7/2017	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng Đảng ủy	
7	Lê Thị Thuỳ Dương		18/7/1986	25/11/2016	25/11/2017	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng Đảng ủy	
8	Nguyễn Văn Bé	10/4/1987		04/10/2009	04/10/2010	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng Đảng ủy	
II	CHI BỘ BAN XÂY DỰNG ĐẢNG (5 ĐẢNG VIÊN)							
1	Nguyễn Văn Non	06/01/1982		29/3/2012	29/3/2013	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ban Xây dựng Đảng	
2	Trần Quế Sơn	01/01/1979		11/5/2005	11/5/2006	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ban Xây dựng Đảng	
3	Nguyễn Mạnh Tuấn	19/7/1989		30/10/2019	30/10/2020	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ban Xây dựng Đảng	
4	Trần Công Hào	28/12/1985		03/9/2009	03/9/2010	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ban Xây dựng Đảng	
5	Lê Huỳnh Giao		01/4/2000	31/8/2023	31/8/2024	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ban Xây dựng Đảng	
III	CHI BỘ ỦY BAN KIỂM TRA (5 ĐẢNG VIÊN)							
1	Hồ Hời	09/01/1977		03/9/2006	03/9/2007	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Kiểm tra	
2	Trần Huy Hoàng	21/11/1982		03/11/2006	03/11/2007	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Kiểm tra	
3	Huỳnh Văn Sơn	10/8/1978		22/02/2008	22/02/2009	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Kiểm tra	
4	Đặng Hoàng Anh	25/7/1989		04/9/2009	04/9/2010	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Kiểm tra	
5	Hồng Thị Liệp		01/01/1986	22/5/2015	22/05/2016	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Kiểm tra	
IV	CHI BỘ ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM (12 ĐẢNG VIÊN)							

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		Nam	Nữ	Dự bị	Chính thức			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Nguyễn Đức Duy	06/8/1979		28/02/2001	28/02/2002	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
2	Lương Minh Hà	07/8/1984		18/4/2009	18/4/2010	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
3	Trần Thị Hoài Yên		27/02/1982	27/01/2006	27/01/2007	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
4	Lê Minh Thương	21/01/1987		05/4/2011	05/4/2012	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
5	Nguyễn Lê Ngọc Thanh		13/4/1998	03/11/2021	03/11/2022	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
6	Trần Văn Phương	29/7/1976		29/12/1998	29/12/1999	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
7	Nguyễn Thị Diễm		22/12/1991	17/10/2013	17/10/2014	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
8	Nguyễn Chí Nguyễn	21/9/1985		17/9/2012	17/9/2013	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
9	Vũ Hùng	10/10/1971		10/12/2003	10/12/2004	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
10	Nguyễn Văn Quy	08/02/1991		17/11/2020	17/11/2021	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
11	Bùi Ngọc Hà		03/10/1960	01/4/1983	01/4/1984	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
12	Hàng Thị Thuý Nga		04/5/1963	15/9/2005	15/9/2006	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
V	CHI BỘ VĂN PHÒNG HĐND&UBND XÃ (19 ĐẢNG VIÊN)							
1	Nguyễn Văn Chờ	05/10/1981		21/9/2010	21/9/2011	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
2	Phạm Triều Thăng	10/4/1984		03/01/2005	03/01/2006	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
3	Nguyễn Thùy Linh		05/5/1981	15/9/2010	15/9/2011	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
4	Nguyễn Quốc Liêm	15/5/1977		03/3/2005	03/3/2006	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
5	Nguyễn Thống Nhứt	04/12/1977		03/11/2006	03/11/2007	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
6	Huỳnh Văn Lớn	10/10/1979		21/12/2002	21/12/2003	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
7	Lê Văn Bon	11/4/1982		31/12/2005	31/12/2006	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
8	Ngô Văn Lương	08/10/1980		10/10/2008	10/10/2009	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
9	Trương Ngọc Mãi		15/4/1981	03/4/2001	03/4/2002	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
10	Quách Kim Hén		08/02/1990	04/8/2016	04/8/2017	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
11	Đỗ Văn Bin	06/7/1994		09/8/2019	09/8/2020	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
12	Đỗ Lý Phụng	20/01/1989		20/10/2013	20/10/2014	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	
13	Tôn Thị Mỹ Xuân		21/02/1983	10/7/2009	10/7/2010	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		Nam	Nữ	Dự bị	Chính thức			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	Lê Hoài Hiệp	12/12/1984		27/6/2014	27/6/2015	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	Nghị thôi việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP
15	Phan Văn Út	15/10/1990		14/11/2014	14/11/2015	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND	Nghị thôi việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP
16	Hồ Toại Nguyên	15/8/1983		21/8/2008	21/8/2009	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm phục vụ Hành chính công	
17	Nguyễn Văn Mươi	25/6/1984		22/12/2004	22/12/2005	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm phục vụ Hành chính công	
18	Nguyễn Thị Út Em		20/11/1989	09/5/2016	09/5/2017	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm phục vụ Hành chính công	
19	Lê Kiều Trang		10/02/1987	12/5/2016	12/5/2017	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm phục vụ Hành chính công	
VI	CHI BỘ PHÒNG VĂN HOÁ - XÃ HỘI (9 ĐẢNG VIÊN)							
1	Võ Hồng Hoài		05/7/1978	26/10/2006	26/10/2007	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
2	Võ Việt Bắc	21/5/1982		04/11/2013	04/11/2014	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
3	Nguyễn Hữu Lễ	16/7/1988		01/9/2016	01/9/2017	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
4	Lữ Thị Hồng Thanh		27/7/1991	12/6/2015	12/6/2016	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
5	Nguyễn Tuyết Như		08/7/1986	06/11/2011	06/11/2012	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
6	Lâm Thanh Tuyền		17/11/1985	13/11/2012	13/11/2013	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
7	Nguyễn Văn Ngánh	16/6/1986		07/01/2008	07/01/2009	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
8	Trần Thị Phương Tuyền		24/5/1990	12/9/2017	12/9/2018	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
9	Nguyễn Thị Ny		09/9/1988	09/5/2016	09/5/2017	Chi bộ Các Cơ quan Đảng	Chi bộ Phòng Văn hóa - Xã hội	
VII	CHI BỘ PHÒNG KINH TẾ (10 ĐẢNG VIÊN)							
1	Triệu Thanh Tòng	16/3/1980		28/6/2011	28/6/2012	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
2	Trần Trường An	12/11/1979		26/12/2012	26/12/2013	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
3	Du Văn Khuôi	04/6/1973		13/12/2005	13/12/2006	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
4	Ngô Tấn Lộc	18/02/1988		14/11/2014	14/11/2015	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		Nam	Nữ	Dự bị	Chính thức			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Nguyễn Trọng Thắng Lợi	02/6/1986		12/9/2014	12/9/2015	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
6	Lê Cẩm Hồng		10/10/1986	10/9/2011	10/9/2012	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
7	Bông Hoàng Phục	20/7/1990		27/6/2015	27/6/2016	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
8	Nguyễn Văn Hường	04/8/1977		19/5/2007	19/5/2008	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
9	Lê Chí Linh	10/9/1987		30/12/2013	30/12/2014	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
10	Nguyễn Thế Anh	29/4/1982		06/01/2014	06/01/2015	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Phòng Kinh tế	
VIII	CHI BỘ TRUNG TÂM CÔNG ÍCH (8 ĐẢNG VIÊN)							
1	Lê Minh Quốc	05/5/1978		04/11/2016	04/11/2017	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm Công ích	
2	Huỳnh Kỳ Quang	19/02/1972		03/02/2007	03/02/2008	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm Công ích	
3	Nguyễn Giang Em	06/5/1978		05/5/2013	05/5/2014	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm Công ích	
4	Nguyễn Minh Liễu	18/3/1981		03/11/2008	03/11/2009	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm Công ích	
5	Nguyễn Thị Nhung		11/02/1983	03/3/2010	03/3/2011	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm Công ích	
6	Mai Văn Nam	22/12/1987		03/02/2008	03/02/2009	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm Công ích	
7	Nguyễn Thanh Long	17/02/1983		24/12/2013	24/12/2014	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm Công ích	
8	Lý Trường An	18/9/1992		17/11/2020	17/11/2021	Chi bộ Cơ quan Ủy ban nhân dân	Chi bộ Trung tâm Công ích	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày vào Đảng		Đảng bộ, Chi bộ trước sắp xếp	Đảng bộ, Chi bộ sau sắp xếp	Ghi chú
		<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Dự bị</i>	<i>Chính thức</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>